

**PHÒNG GD&ĐT ĐÔNG TRIỀU
TRƯỜNG TIỂU HỌC HỒNG THÁI ĐÔNG**

THÔNG BÁO

Công khai thông tin chất lượng giáo dục tiểu học thực tế, Cuối HKII năm học 2023- 2024

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp				
			Lớp 1	Lớp 2	Lớp 3	Lớp 4	Lớp 5
I	Tổng số học sinh	897	175	158	175	207	182
II	Số học sinh học 2 buổi/ngày	897	175	158	175	207	182
III	Số học sinh chia theo năng lực, phẩm chất						
1	Năng lực						
	a. Tự phục vụ, tự quản	182					182
	Chia ra: - Tốt	149					149
	- Đạt	42					42
	- Cần cố gắng	0					0
	b. Giao tiếp, hợp tác	182					182
	Chia ra: - Tốt	139					139
	- Đạt	43					43
	- Cần cố gắng	0					0
	c. Tự học và giải quyết vấn đề	182					182
	Chia ra: - Tốt	128					128
	- Đạt	54					54
	- Cần cố gắng	0					0
2	Phẩm chất						
	a. Chăm học, chăm làm	182					182
	Chia ra: - Tốt	134					134
	- Đạt	48					48
	- Cần cố gắng	0					0
	b. Tự tin, trách nhiệm	182					182
	Chia ra: - Tốt	134					134
	- Đạt	48					48
	- Cần cố gắng	0					0
	c. Trung thực, kỷ luật	182					182
	Chia ra: - Tốt	143					143
	- Đạt	39					39
	- Cần cố gắng	0					0
	d. Đoàn kết, yêu thương	182					182
	Chia ra: - Tốt	147					147

	- Đạt	35					35
	- Cần cố gắng	0					0
*	Về năng lực chung						
	1. Tự chủ và tự học	715	175	158	175	207	
	Chia ra: - Tốt	538	142	117	128	151	
	- Đạt	177	33	41	47	56	
	- Cần cố gắng	0				0	
	2. Giao tiếp, hợp tác	715	175	158	175	207	
	Chia ra: - Tốt	542	146	117	128	151	
	- Đạt	173	29	41	47	56	
	- Cần cố gắng	0				0	
	3. Giải quyết vấn đề và sáng tạo	715	175	158	175	207	
	Chia ra: - Tốt	543	149	117	127	150	
	- Đạt	172	26	41	48	57	
	- Cần cố gắng	0				0	
*	Về năng lực đặc thù						
	1. Ngôn ngữ	715	175	158	175	207	
	Chia ra: - Tốt	542	145	117	129	151	
	- Đạt	172	29	41	46	56	
	- Cần cố gắng	1	1			0	
	2. Tính toán	715	175	158	175	207	
	Chia ra: - Tốt	540	145	117	127	151	
	- Đạt	175	30	41	48	56	
	- Cần cố gắng	0				0	
	3. Khoa học	715	175	158	175	207	
	Chia ra: - Tốt	541	144	117	128	152	
	- Đạt	174	31	41	47	55	
	- Cần cố gắng	0				0	
	4. Công nghệ	382			175	207	
	Chia ra: - Tốt	282			128	154	
	- Đạt	100			47	53	
	- Cần cố gắng	0				0	
	5. Tin học	382			175	207	
	Chia ra: - Tốt	280			128	152	
	- Đạt	102			47	55	
	- Cần cố gắng	0				0	
	6. Thẩm mỹ	715	175	158	175	207	
	Chia ra: - Tốt	547	150	117	128	152	
	- Đạt	168	25	41	47	55	

	- Cần cố gắng	0				0	
	7. Thể chất	715	175	158	175	207	
	Chia ra: - Tốt	548	150	117	128	153	
	- Đạt	167	25	41	47	54	
	- Cần cố gắng	0				0	
*	Về phẩm chất chủ yếu						
	1. Yêu nước	715	175	158	175	207	
	Chia ra: - Tốt	561	151	122	137	151	
	- Đạt	154	24	36	38	56	
	- Cần cố gắng	0				0	
	2. Nhân ái	715	175	158	175	207	
	Chia ra: - Tốt	556	147	122	137	150	
	- Đạt	159	28	36	38	57	
	- Cần cố gắng	0				0	
	3. Chăm chỉ	715	175	158	175	207	
	Chia ra: - Tốt	552	148	116	137	151	
	- Đạt	163	27	42	38	56	
	- Cần cố gắng	0				0	
	4. Trung thực	715	175	158	175	207	
	Chia ra: - Tốt	562	151	124	137	150	
	- Đạt	153	24	34	38	57	
	- Cần cố gắng	0				0	
	5. Trách nhiệm	715	175	158	175	207	
	Chia ra: - Tốt	560	154	118	137	151	
	- Đạt	155	21	40	38	56	
	- Cần cố gắng	0				0	
*	Xếp loại GD	897	175	158	175	207	182
	Chia ra: - HTXS	331	84	64	51	73	59
	- HTT	279	47	40	67	73	52
	- HT	286	43	54	57	61	71
	- CHT	1	1			0	0
IV	Số học sinh chia theo kết quả học tập						
V	Tổng hợp kết quả cuối năm						
	1. Tiếng Việt	897	175	158	175	207	182
	Chia ra: - Hoàn thành tốt	696	146	135	152	177	86
	- Hoàn thành	200	28	23	23	30	96
	- Chưa hoàn thành	1	1			0	0
	2. Toán	897	175	158	175	207	182

	Chia ra: - Hoàn thành tốt	716	169	138	136	191	82
	- Hoàn thành	181	6	20	39	16	100
	- Chưa hoàn thành	0				0	0
	3.Khoa học	389				207	182
	Chia ra: - Hoàn thành tốt	355	x	x	x	198	157
	- Hoàn thành	34	x	x	x	9	25
	- Chưa hoàn thành	0	x	x	x	0	0
	4.Lịch sử & Địa lý	389				207	182
	Chia ra: - Hoàn thành tốt	302	x	x	x	195	107
	- Hoàn thành	87	x	x	x	12	75
	- Chưa hoàn thành	0	x	x	x	0	0
	5. Ngoại ngữ	564			175	207	182
	Chia ra: - Hoàn thành tốt	424			159	171	94
	- Hoàn thành	140			16	36	88
	- Chưa hoàn thành	0				0	0
	6.Tiếng dân tộc		x	x	x	x	x
	Chia ra: - Hoàn thành tốt		x	x	x	x	x
	- Hoàn thành		x	x	x	x	x
	- Chưa hoàn thành		x	x	x	x	x
	7.Tin học	564			175	207	182
	Chia ra: - Hoàn thành tốt	468	x	x	155	195	118
	- Hoàn thành	96	x	x	20	12	64
	- Chưa hoàn thành	0	x	x		0	0
	8.Đạo đức	897	175	158	175	207	182
	Chia ra: - Hoàn thành tốt	702	142	123	142	158	137
	- Hoàn thành	195	33	35	33	49	45
	- Chưa hoàn thành	0				0	0
	9.Tự nhiên và Xã hội	508	175	158	175	x	x
	Chia ra: - Hoàn thành tốt	399	138	119	142	x	x
	- Hoàn thành	109	37	39	33	x	x
	- Chưa hoàn thành	0				x	x
	10.Âm nhạc	897	175	158	175	207	182
	Chia ra: - Hoàn thành tốt	660	138	117	129	153	123
	- Hoàn thành	237	37	41	46	54	59
	- Chưa hoàn thành	0				0	0
	11.Mĩ thuật	897	175	158	175	207	182
	Chia ra: - Hoàn thành tốt	669	138	120	133	155	123
	- Hoàn thành	228	37	38	42	52	59

	- Chưa hoàn thành	0				0	0
	12. Kỹ thuật	182	x	x	x	x	182
	Chia ra: - Hoàn thành tốt	140	x	x	x	x	140
	- Hoàn thành	42	x	x	x	x	42
	- Chưa hoàn thành	0	x	x	x	x	0
	13. Hoạt động trải nghiệm	715	175	158	175	207	x
	Chia ra: - Hoàn thành tốt	564	146	119	144	155	x
	- Hoàn thành	143	29	31	31	52	x
	- Chưa hoàn thành	0				0	x
	14. Thể dục/GDTC	897	175	158	175	207	182
	Chia ra: - Hoàn thành tốt	692	138	120	132	160	142
	- Hoàn thành	205	37	38	43	47	40
	- Chưa hoàn thành	0				0	0
	15. Công nghệ	382	x	x	175	207	x
	Chia ra: - Hoàn thành tốt	455	x	x	256	199	x
	- Hoàn thành	27	x	x	19	8	x
	- Chưa hoàn thành	0	x	x	0	0	x
V	Tổng hợp kết quả cuối năm		x	x	x	x	x
1	Lên lớp (tỷ lệ so với tổng số)	896	174	158	175	207	182
	HS ở lại lớp	1	1	0	0	0	0
2	Khen thưởng	608	129	104	118	146	111
a	Chia ra: - HS XS (HS XS trong học tập và rèn luyện)	331	84	64	51	73	59
b	- HS Tiêu biểu (HS khen từng mặt)	277	45	40	67	73	52

Hồng Thái Đông, ngày 01 tháng 06 năm 2024

HIỆU TRƯỞNG



Đương Thị Thuý Hằng